TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số:119/2020/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 30 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 155/2020/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 N 2020, giữa:

Nguyên đơn chị: Đoàn Thị S. Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn anh: Lường Khắc N. Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 144; 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84;110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Đoàn Thị S và bị đơn anh Lường Khắc N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:*chị Đoàn Thị S và anh Đoàn Khắc N có ý kiến chung thống nhất anh, chị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/12/2012, tại UBND TT Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh, chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân

nhau từ đầu tháng 01/2020 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Hai vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị S và anh Nthống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung***:**chị S và anh N đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 01 con chung. Cháu tên là: Lường Thị Khánh N1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 10/12/2013. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cháu đang sống cùng anh, chị tại thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.Chị S và anh N đều có ý kiến chung, thống nhất giao cháu Lường Thị Khánh N1 cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, anh N có nghĩa vụ cấp d□ỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời điểm cấp d□ỡng là từ ngày 01/10/2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai đ□ợc phép ngăn cản anh N thực hiện quyền này, anh Ncó quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* chị S và anh N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị S và anh N thống nhất thỏa thuận chị S chịu toàn bộ tiền án phí DS – HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Vì vậy chị S được nhận lại 150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền AA/2017/0003586, ngày 31 tháng 8 năm 2020. Anh N phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch (là người cấp dưỡng nuôi con).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND TT Yên Cát, h. NhưXuân;
- UBND xã H, h. N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn